

Số: 88 /2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người có công với cách mạng
và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 9 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thi điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 7605/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo tham tra số 1288/BC-HĐND-VHXXH ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đăng ký thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn

1. Đối tượng

- a) Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có hoàn cảnh khó khăn;
- b) Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có hoàn cảnh khó khăn;
- c) Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hai liệt sĩ có hoàn cảnh khó khăn;
- d) Thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng có hoàn cảnh khó khăn;
- đ) Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng có hoàn cảnh khó khăn;
- e) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có hoàn cảnh khó khăn;
- g) Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học mà bản thân người con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ mức trợ cấp thường xuyên hàng tháng bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thuộc một trong các trường hợp sau: người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định về chuẩn hộ nghèo, chuẩn hộ cận nghèo của Thành phố Hồ Chí Minh; người sống đơn thân/neo đơn (là người có chồng, vợ, con, người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đã tử vong) hoặc sống độc thân (không chồng, vợ, có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định Luật Hộ tịch) hiện sống một mình hoặc sống với người thân (mà người thân được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định); người mắc các bệnh hiểm nghèo theo Danh mục quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Điều 5 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản có liên quan (có giấy chứng nhận bị thương hoặc có biên bản giám định thương tật hoặc tóm tắt bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên); người đang nuôi dưỡng người khuyết tật.

Điều 3. Hỗ trợ chi phí cấp bù chênh lệch cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng có nhu cầu trang bị phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình

1. Đối tượng

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- đ) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- e) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- g) Bệnh binh;
- h) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
- i) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- k) Người có công giúp đỡ cách mạng thuộc trường hợp người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945;
- l) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng;
- m) Con đẻ bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên.

2. Tên phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình (theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng)

STT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Niên hạn cấp	Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách Thành phố (ĐVT: đồng)
1	Tay giả tháo khớp vai	03 năm	39.326.000
2	Tay giả trên khuỷu	03 năm	35.922.400
3	Tay giả dưới khuỷu	03 năm	35.385.600
4	Chân tháo khớp hông	03 năm	64.729.200
5	Chân giả trên gối	02 năm	39.892.000
6	Nhóm chân giả tháo khớp gối	03 năm	45.517.600

7	Chân giả dưới gối có bao da đùi	02 năm	24.218.400
8	Chân giả dưới gối có dây đeo số 8	02 năm	23.942.000
9	Chân giả tháo khớp cổ chân	03 năm	10.800.800
10	Nhóm nẹp Ụ ngồi - Đai hông	03 năm	18.890.000
11	Nẹp đùi	03 năm	16.990.000
12	Nẹp căng chân	03 năm	21.741.200
13	Nhóm máng nhựa chân và tay	05 năm	4.930.000
14	Giày chỉnh hình	01 năm	1.304.000
15	Dép chỉnh hình	01 năm	1.142.000
16	Áo chỉnh hình	05 năm	1.731.600
17	Xe lắc tay	04 năm	4.558.000
18	Xe lăn tay	04 năm	15.716.000
19	Nạng cho người bị cứng khớp gối	01 năm	757.600
20	Máy trợ thính	01 năm	21.600.000
21	Răng giả	05 năm	5.162.400
22	Hàm giả	05 năm	7.155.200
23	Vật phẩm phụ:		
	Người được cấp chân giả	01 năm	1.046.800
	Người được cấp tay giả	01 năm	141.200
	Người được cấp nạng	01 năm	908.000
	Người được lắp mắt giả	01 năm	361.600
	Người được cấp áo chỉnh hình	01 năm	556.000

24	Bảo trì phương tiện đối với trường hợp được cấp tiền mua xe lăn, xe lắc	01 năm	8.047.000
25	Kính râm và gậy dò đường	01 năm	939.900
26	Đồ dùng phục vụ sinh hoạt	01 năm	1.977.600

3. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ chênh lệch giữa mức giá thực tế của các phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này tại các cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng được thẩm định, phê duyệt qua đấu thầu với mức hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng cần thiết, vật phẩm phụ và vật dụng khác được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng cho đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Khi đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này có nhu cầu được cấp mới, cấp lại phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình thì được hỗ trợ một lần theo niên hạn và được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

b) Trường hợp mua sắm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình nằm ngoài danh mục hoặc vượt mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này thì đối tượng tự chi trả phần vượt mức hoặc tự chi trả cho sản phẩm nằm ngoài danh mục.

Điều 4. Hỗ trợ quà tặng cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ tiêu biểu khi tham gia hội nghị biểu dương người có công với cách mạng tiêu biểu toàn quốc; chương trình họp mặt người có công tiêu biểu nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ và chương trình về nguồn do Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổ chức

1. Đối tượng: người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ tiêu biểu tham gia hội nghị biểu dương người có công với cách mạng tiêu biểu toàn quốc; chương trình họp mặt người có công tiêu biểu nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ và chương trình về nguồn do Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổ chức và mời tham dự.

2. Mức hỗ trợ tiền mặt: 3.000.000 đồng/người/lần tham dự.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Thành phố và ngân sách quận, huyện, thành phố Thủ Đức theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Điều 7: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 126/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 về chế độ hỗ trợ đối với người có công với cách mạng và thân nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐTBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND-UB MTTQ TP Thủ Đức, 05 huyện;
- UBND-UBMTTQ 16 quận;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VHXXH-Nhật).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ